

TÍNH CHẤT CỦA GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ PHÁP

MAI THANH HIẾU *

Tóm tắt: Tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự là đặc điểm riêng của thủ tục giám đốc thẩm, cho phép phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với thủ tục đặc biệt khác như tái thẩm và thủ tục thông thường khác như sơ thẩm, phúc thẩm. Bài viết nghiên cứu so sánh tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm theo hướng tương đồng với mô hình của Pháp - mô hình điển hình của dòng họ Civil law, nhưng vẫn bảo lưu một số điểm khác biệt trong truyền thống pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Việc hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp là cơ sở để hoàn thiện các quy định khác về thủ tục giám đốc thẩm, góp phần đưa pháp luật Việt Nam tiếp cận và hài hoà với một hệ thống pháp luật lớn trên thế giới.

Từ khoá: Tính chất; giám đốc thẩm; tố tụng hình sự; Việt Nam; Pháp

Nhận bài: 23/02/2021

Hoàn thành biên tập: 15/5/2021

Duyệt đăng: 15/5/2021

NATURE OF CASSATION PROCEDURE IN CRIMINAL PROCEDURES IN VIETNAM AND FRANCE

Abstract: The nature of cassation in criminal procedures is the peculiarity of cassation, which distinguishes cassation procedure from other special ones such as reopening and other common procedures such as first instance and appellate procedures. The research paper compares the nature of cassation in Vietnamese and French criminal procedures in order to improve the Vietnamese criminal procedure regulations on the nature of cassation in the way that is similar to the French model. Since such model is the typical one of the Civil law family with preservation of differences in the Vietnamese criminal procedure law tradition. The improvement of Vietnam's criminal procedure law on the nature of cassation on the basis of comparison with the French criminal procedure law lays the foundation for improving other provisions on cassation procedures, contributing to harmonise Vietnamese law with a large legal system in the world.

Keywords: Nature; cassation procedures; criminal procedure; Vietnam; France

Received: Feb 23rd, 2021; Editing completed: May 15th, 2021; Accepted for publication: May 15th, 2021

Theo Từ điển tiếng Việt, tính chất là “*đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng, làm phân biệt nó với những sự vật hiện tượng khác loại*”.⁽¹⁾ Tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự là đặc điểm riêng của

thủ tục giám đốc thẩm, phân biệt thủ tục này với các thủ tục khác như sơ thẩm, phúc thẩm và tái thẩm. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm ngày càng hoàn thiện qua ba lần pháp điển hóa vào các năm 1988, 2003 và 2015. Tuy nhiên, quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm vẫn chưa phù hợp với quan

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: maithanhhiu@hlu.edu.vn

(1). Trung tâm Từ điển học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội, 2013, tr. 1286.

điểm chung về tính chất của giám đốc thẩm (tiếng Anh và tiếng Pháp: cassation) trong khoa học luật tố tụng hình sự trên thế giới. Việc hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm có thể được thực hiện trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020: “*Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*”. Trong bài viết này, đối tượng so sánh song phương được lựa chọn là pháp luật tố tụng hình sự Pháp về giám đốc thẩm bởi pháp luật Việt Nam thuộc dòng họ pháp luật xã hội chủ nghĩa, mà dòng họ pháp luật này chịu nhiều ảnh hưởng của hệ thống pháp luật lục địa châu Âu, trong đó có pháp luật Pháp – điển hình của dòng họ Civil law, với hệ thống pháp luật thành văn rất phát triển, có trình độ hệ thống hóa và pháp điển hóa cao, mặt khác, pháp luật tố tụng hình sự Pháp đã từng ảnh hưởng trực tiếp trong hơn 100 năm đối với pháp luật tố tụng hình sự tại Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám và tại miền Nam Việt Nam trước khi thống nhất đất nước. Bài viết nghiên cứu so sánh tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp trên cơ sở những điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm riêng của thủ tục giám đốc thẩm nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm.

1. Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm⁽²⁾

Trong tố tụng hình sự Pháp, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là bản án, quyết định chung thẩm. Bản án, quyết định chung thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử cuối cùng về nội dung vụ án. Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm, trước hết, phải là bản án, quyết định của cấp xét xử cuối cùng, “*nghĩa là thẩm xét đến đó là hết, không còn đem tái xét được trước một pháp đình nào khác*”,⁽³⁾ sau nữa, phải là bản án, quyết định cuối cùng về nội dung vụ án, “*nhất định về nội dung*”, “*có tính cách chung quyết mà tòa án sau này xét xử không còn sửa đổi được nữa*” (Điều 544, 546 Bộ luật Tố tụng hình sự miền Nam năm 1972)⁽⁴⁾. Để xác định tính chung thẩm của đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm cần “*căn cứ vào thẩm quyền pháp định của tòa nguyên xử*”, “*chỉ khi nào tòa này có thẩm quyền chung thẩm, bản án mới có thể được thượng tố*”.⁽⁵⁾ Tính chung thẩm (tiếng Pháp: *dernier ressort*) được phân biệt với tính có hiệu lực pháp luật

(2). Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chỉ quy định kháng nghị giám đốc thẩm mà không quy định kháng cáo giám đốc thẩm. Trong khi đó, pháp luật tố tụng hình sự Pháp quy định cả việc kháng cáo cũng như kháng nghị giám đốc thẩm và chỉ sử dụng một thuật ngữ “*pourvoir en cassation*” để chỉ hai sự kiện pháp lý làm phát sinh việc thực hiện thẩm quyền của tòa án cấp giám đốc thẩm. Trong bài viết này, cụm từ “*kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm*” được hiểu là kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp và kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.

(3). Lê Tài Triển (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viên*, Sài Gòn, 1970, tr. 434.

(4). Bộ luật Hình sự tố tụng năm 1972.

(5). Lê Tài Triển (chủ biên), *sđđ*, tr. 434, 345.

(tiếng Pháp: *autorité de la chose jugée*) của bản án, quyết định của toà án. Bản án, quyết định sơ thẩm khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật nhưng không phải là chung thẩm và không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm: *“Một bản án nhất định có thể do một toà xử sơ thẩm, sở dĩ thành nhất định là vì người bị án không đem việc kiện lên toà trên để xử lại, không kháng cáo. Trong trường hợp này, bản án không thể được thượng tố, vì tuy là án nhất định, nhưng lại không phải là án chung thẩm”*.⁽⁶⁾ Trong tố tụng hình sự Pháp, bản án, quyết định chung thẩm gồm bản án, quyết định phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử thứ hai, đồng thời là cấp xét xử cuối cùng. Bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử thứ nhất, đồng thời là cấp xét xử cuối cùng đối với những tội phạm ít nghiêm trọng nhất (tội vi cảnh).

Trong tố tụng hình sự Việt Nam, đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm là bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Đó là bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật do không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; bản án, quyết định phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của toà án nhân dân cấp cao và toà án quân sự trung ương.

Sự khác biệt khái quát về đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Pháp và Việt Nam thể hiện ở tính chung thẩm hoặc tính có hiệu lực pháp

luật của bản án, quyết định của toà án. Nguồn gốc của sự khác biệt nói trên xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử. Dưới ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự Pháp, pháp luật tố tụng hình sự tại miền Bắc trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tại miền Nam trước ngày thống nhất đất nước năm 1975 đều quy định điều kiện chung thẩm của đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, pháp luật tố tụng hình sự Pháp cũng như pháp luật tố tụng hình sự Bắc kỳ và Trung kỳ về giám đốc thẩm bị bãi bỏ tại miền Bắc. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, thủ tục giám đốc thẩm cũng không được quy định. Trong kháng chiến và nhất là sau khi hoà bình lập lại, có nhiều đơn yêu cầu, khiếu nại của cá nhân và đơn vị xin minh xét, trong đó phần lớn là xin xét lại những điều oan ức trong cải cách ruộng đất và trong chỉnh đốn tổ chức. Tại Hội nghị tư pháp toàn quốc năm 1958, khi kiểm điểm về đường lối truy tố, xét xử, các toà án nhân dân đã phát hiện một số án hình sự đã bị xử sai, kết án oan người vô tội hoặc tội nặng xử nhẹ, tội nhẹ xử nặng cần phải có biện pháp pháp lý để khắc phục nhằm bảo đảm pháp chế, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Sau hội nghị, Bộ Tư pháp đã hội ý thống nhất với Toà án nhân dân tối cao ra Thông tư số 002-TT ngày 13/01/1959 về thủ tục xử lại và Thông tư số 04-TT ngày 03/02/1959 về thủ tục xét lại những vụ án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, nay thấy là xử không đúng, can phạm hiện còn đang bị giam.⁽⁷⁾ Những văn bản pháp luật

(6). Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 345.

(7). Phan Thị Thanh Mai, “Khái quát về chế định giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay”, *Tạp*

đầu tiên về giám đốc thẩm tại miền Bắc “*hầu như không kể thừa pháp luật trong thời kì Pháp thuộc mà có rất nhiều điểm khác biệt*”.⁽⁸⁾ Một trong những điểm khác biệt đó là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm không còn là bản án, quyết định chung thẩm, mà là bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.⁽⁹⁾ Trong tố tụng hình sự Pháp, hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định của toà án phát sinh khi bản án, quyết định đó trở thành nhất định, coi như chân lí (tiếng Latin: *Res judicata pro veritate habetur*), làm cơ sở cho việc bắt buộc thi hành và nội dung vụ án không thể bị xem xét lại, số phận pháp lí của bị cáo, bị hại hoặc đương sự không thể bị thay đổi theo hướng bất lợi cho họ.⁽¹⁰⁾ Vì vậy, bản án, quyết định chung thẩm chưa có hiệu lực pháp luật mới là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Bản án, quyết định chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật chỉ là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm trong trường hợp ngoại lệ, vì lợi ích của pháp luật, “*tránh việc bản án, quyết định đó trở thành án lệ*”.⁽¹¹⁾

Ngoài sự khác biệt khái quát nói trên, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc

thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp còn có những khác biệt cụ thể sau:

Một là, trong tố tụng hình sự Việt Nam, bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay lập tức kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định và là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm, kể cả theo hướng bất lợi cho người bị kết án, bị hại hoặc đương sự. Điều đó thể hiện sự thiếu tôn trọng nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của toà án, không bảo đảm số phận pháp lí của người bị kết án, bị hại hoặc đương sự sau khi bản án, quyết định đối với họ đã có hiệu lực pháp luật.

Hai là, trong tố tụng hình sự Việt Nam, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của toà án nhân dân cấp cao, toà án quân sự trung ương có thể là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm. Việc có nhiều cấp giám đốc dẫn đến quyết định giám đốc thẩm của toà án cấp dưới có thể là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm trước toà án cấp trên, không bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật và xây dựng án lệ.

Ba là, trong tố tụng hình sự Việt Nam, bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật cũng là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm. Điều đó làm suy giảm tính đặc biệt của thủ tục giám đốc thẩm. Về nguyên tắc, thủ tục thông thường phải được ưu tiên áp dụng so với thủ tục đặc biệt: “*việc mở ra một thủ tục thông thường [phúc thẩm] sẽ đóng lại một thủ tục đặc biệt [giám đốc thẩm]*”.⁽¹²⁾ Vì vậy, trong tố tụng hình sự Pháp, bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc

chí Luật học, số 3/2005, tr. 34.

(8). Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007, tr. 48.

(9). Xem thêm: Mai Thanh Hiếu, “Pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864-1945”, *Tạp chí Luật học*, số 5/2020, tr. 3-15.

(10). Mai Thanh Hiếu, *Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 29.

(11). Cathie-Sophie Pinat, *Le discours de l'avocat devant la Cour de cassation: Etude de théorie du droit*, Thèse de doctorat, Université de Montpellier, 2016, p. 25.

(12). Jacques Boré et Louis Boré, *La cassation en matière pénale*, 2ème éd., Dalloz, Paris, 2004, p. 37.

thẩm thì không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm bởi vì bản án, quyết định này không phải là chung thẩm. Pháp luật đã mở ra một thủ tục thông thường là phúc thẩm mà chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm không thực hiện việc kháng cáo, kháng nghị, bỏ qua cơ hội để có bản án, quyết định phúc thẩm thì không có quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục đặc biệt là giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm đó.

Trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phải là bản án, quyết định chung thẩm để bảo đảm tính chất đặc biệt của thủ tục giám đốc thẩm. Cụ thể, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam là bản án, quyết định phúc thẩm chưa có hiệu lực pháp luật; bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật chỉ là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm trong trường hợp ngoại lệ vì lợi ích của pháp luật hoặc lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác. Đồng thời, cần có những giải pháp đồng bộ sau: sửa đổi quy định về thời điểm có hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định phúc thẩm, theo đó, bản án quyết định phúc thẩm không có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án hoặc ra quyết định mà chỉ có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị; bổ sung quy định về thời hạn kháng cáo giám đốc thẩm, sửa đổi quy định về thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng ngắn hơn để nhanh chóng đưa bản án, quyết định của tòa

án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành; sửa đổi quy định về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng: bản án, quyết định phúc thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm thì chưa được đưa ra thi hành; bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm thì có thể được tạm đình chỉ thi hành theo quyết định của người kháng nghị; huỷ bỏ quy định về thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm của tòa án nhân dân cấp cao và tòa án quân sự trung ương.

2. Căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Trong tố tụng hình sự Pháp cũng như Việt Nam, căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm bị hạn chế bởi quy định của pháp luật; tương tự như căn cứ kháng cáo, kháng nghị tái thẩm - một thủ tục đặc biệt khác, cũng bị hạn chế bởi quy định của pháp luật. Đối với thủ tục xét xử thông thường như phúc thẩm, pháp luật tố tụng hình sự không quy định căn cứ kháng cáo, kháng nghị. Về nguyên tắc, thủ tục thông thường cần được mở rộng, thủ tục đặc biệt cần phải hạn chế. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp thuộc hệ thống các quốc gia hạn chế áp dụng thủ tục giám đốc thẩm bằng việc quy định căn cứ kháng cáo, kháng nghị, tương tự các quốc gia châu Âu lục địa, châu Phi Pháp ngữ và châu Mỹ Latin, tức là các quốc gia theo truyền thống *romano-germanique*. Kháng cáo, kháng nghị ngoài các căn cứ do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định sẽ không được tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm chấp nhận. Ngược lại, trong hệ thống *common law* thường gặp cơ chế tuyệt đối. Nghĩa là pháp luật không liệt kê căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Tòa

án có thẩm quyền giám đốc thẩm quyết định theo từng trường hợp, chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Tiêu chuẩn chấp nhận là lợi ích đối với pháp luật mà kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm đặt ra. Bằng cơ chế tuý nghi, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm đã loại bỏ phần lớn các kháng cáo, kháng nghị và chỉ xem xét mỗi năm vài chục kháng cáo, kháng nghị. Vương quốc Anh là một trường hợp điển hình cho các quốc gia này. Một số quốc gia khác chấp nhận cơ chế trung gian giữa hai hệ thống trên. Nghĩa là có những kháng cáo, kháng nghị buộc toà án phải xem xét và có những kháng cáo, kháng nghị toà án tuý nghi quyết định sẽ giải quyết hay không. Ví dụ: Ở Hoa Kỳ, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm hình sự do vi phạm hiến pháp buộc toà án phải xét xử. Những kháng cáo, kháng nghị khác có được chấp nhận để xét xử hay không do toà án tuý nghi quyết định. Canada, Nhật Bản cũng là những trường hợp điển hình cho những quốc gia theo cơ chế trung gian này.⁽¹³⁾

Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp còn hạn chế áp dụng thủ tục giám đốc thẩm bằng việc quy định chặt chẽ nội dung căn cứ kháng cáo, kháng nghị. Căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm gồm căn cứ chung và các căn cứ cụ thể. Căn cứ chung, có tính nguyên tắc của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là sự vi phạm pháp luật của bản án, quyết định chung thẩm ở mức độ nghiêm trọng. Khoa học luật tố tụng hình sự Pháp thừa nhận lí thuyết về hình phạt phù hợp (tiếng Pháp: *théorie dite de la peine justifiée*), theo đó vi phạm pháp luật không

phải là căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm nếu hình phạt đã áp dụng vẫn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nói cách khác, hình phạt vẫn đúng như vậy, ngay cả khi không có vi phạm pháp luật. Vi phạm pháp luật trong trường hợp này được coi là không có hậu quả nên kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là vô ích: “*không phải là bất cứ sự sai lầm nào cũng làm cho bản án bị tiêu phá. Thí dụ sai lầm trong sự quyết định tội danh sẽ không hại gì đến hiệu lực của bản án, nếu với tội danh chính xác, hình phạt đã tuyên vẫn ở trong giới hạn luật định*”.⁽¹⁴⁾ Lí thuyết về hình phạt phù hợp được thể hiện trong quy định tại Điều 598 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp năm 1957: “*Nếu hình phạt đã tuyên là hình phạt do pháp luật quy định đối với hành vi phạm tội của bị cáo thì không ai được yêu cầu huỷ bản án với lí do là có sự nhầm lẫn trong việc viện dẫn nội dung điều luật*”. Lí thuyết về hình phạt phù hợp có điểm tương đồng với căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 371 Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015, theo đó, “*có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử*” nhưng phải “*dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*” mới đủ điều kiện kháng nghị. Sự hạn chế này là quy định mới của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam khi pháp điển hóa lần thứ ba, đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/9/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: “*Từng bước hoàn thiện*

(13). Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, 2ème éd., Dalloz, Paris, 2002, p. 624 - 626.

(14). Lê Tài Triển (chủ biên), sdd, tr. 442, 443.

thủ tục giám đốc thẩm... theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị". Lí thuyết về hình phạt phù hợp cũng có điểm tương đồng với thực tiễn giám đốc thẩm của Việt Nam, thể hiện qua quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao trong vụ án H. D. H: "*Mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử có những thiếu sót, vi phạm nhưng những thiếu sót, vi phạm này không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do vậy, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm để điều tra lại theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*".⁽¹⁵⁾ Tại Pháp, lí thuyết về hình phạt phù hợp bị phê bình vì nó biện minh và thừa nhận hiệu lực pháp luật cho bản án, quyết định vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, lí thuyết này lại được một số quốc gia thuộc hệ thống *romano - germanique* thừa nhận và quy định rõ trong Bộ luật Tố tụng hình sự như Italia (Điều 619-1), Bỉ (Điều 411).⁽¹⁶⁾ Pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ cũng thừa nhận một lí thuyết tương tự, đó là lí thuyết về sai lầm không đáng kể (tiếng Anh: *harmless error*). Theo Điều 52 Luật tố tụng hình sự Liên bang "*những vi phạm, sai lầm, không hợp lệ và mâu thuẫn mà không ảnh hưởng tới quyền cơ bản được coi là không quan trọng*". Lí thuyết sai lầm không đáng kể, thậm chí còn được áp dụng cho cả những vi phạm hiến pháp. Trong vụ "*Chapman V. California*" (1967), Toà án tối cao khẳng định: Một số vi phạm hiến pháp sẽ đương nhiên làm vô hiệu

quyết định của toà án nhưng cũng có những vi phạm, trong trường hợp đặc biệt, được coi là không quan trọng.⁽¹⁷⁾

3. Chủ thể kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Trong tố tụng hình sự Pháp, chủ thể kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là viện công tố và những người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại bởi sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng của bản án, quyết định chung thẩm. Những chủ thể này phải là các bên trong vụ án (đây là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc bình đẳng trước toà án - trọng tài công minh của các bên trong tố tụng) và có lợi ích để thực hiện việc kháng cáo, kháng nghị (tiếng Pháp: *intérêt à agir*). Nguyên tắc lợi ích để hành động đòi hỏi "*chỉ khi nào có lợi ích về sự phá án mới có quyền thượng tố*".⁽¹⁸⁾ Nguyên tắc lợi ích để hành động chỉ cho phép bị hại, đương sự kháng cáo giám đốc thẩm "*hạn chế trong phạm vi những điểm liên quan đến quyền lợi dân sự mà thôi*".⁽¹⁹⁾ Tương tự, bị cáo không được kháng cáo giám đốc thẩm đối với "*một bản án đã tha bổng mình, vì trường hợp này... không có lợi ích gì để xin phá án*".⁽²⁰⁾ Tuy nhiên, người được toà án tuyên không có tội "*vì nghi vấn*" có quyền kháng cáo giám đốc thẩm về căn cứ tuyên không có tội. Lợi ích để hành động trong trường hợp này "*là một lợi ích tinh thần; khi bị can được tha chỉ vì nghi vấn thì vẫn còn có một sự nghi ngờ bao phủ danh dự, cho nên bị can được quyền kháng cáo để đánh tan sự nghi ngờ bằng một bản án tha bổng*

(15). Quyết định giám đốc thẩm số 05/2020/HS-GĐT ngày 08/5/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(16). Jean Pradel, sđd, p. 622.

(17). Jean Pradel, sđd, p.623.

(18). Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 345.

(19). Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 438.

(20). Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 439.

xác nhận hẳn hoi sự vô tội”.⁽²¹⁾

Trong tố tụng hình sự Việt Nam, chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm là Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chánh án toà án quân sự trung ương, viện trưởng viện kiểm sát quân sự trung ương, chánh án toà án nhân dân cấp cao, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Ngoài sự tương đồng về chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm là viện công tố hoặc viện kiểm sát, trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp có những điểm khác biệt về đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm như sau:

Một là, trong tố tụng hình sự Việt Nam, người tham gia tố tụng không có quyền kháng cáo giám đốc thẩm mà chỉ có quyền phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị. Tuy nhiên, việc kháng cáo giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Pháp và việc thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam có hậu quả pháp lý hoàn toàn khác nhau. Kháng cáo giám đốc thẩm hợp pháp là sự kiện pháp lý làm phát sinh việc thực hiện thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm. Trong khi đó, thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ làm phát sinh trách nhiệm của người này trong việc xem xét quyết định việc kháng nghị. Mặt khác, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không hạn chế số lần thông báo và số chủ thể nhận thông báo khiến cho một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có thể bị thông báo nhiều lần cho nhiều người có thẩm

quyền kháng nghị khác nhau. Sự khác biệt nói trên được lý giải bởi tính có hiệu lực pháp luật của đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm: *“sau hai cấp xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không còn các quyền và nghĩa vụ tố tụng, vì vậy họ không có quyền được kháng cáo đối với các bản án đã phát sinh hiệu lực pháp luật”.*⁽²²⁾

Trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng quy định chủ thể kháng cáo giám đốc thẩm để bảo đảm quyền con người, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước toà án. Cụ thể: bổ sung quy định quyền kháng cáo giám đốc thẩm của bị cáo hoặc người bị kết án (trong trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật), bị hại, đương sự và người đại diện của họ phù hợp với tư cách tố tụng, địa vị pháp lý. Để bảo đảm giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt, hạn chế áp dụng và tránh sự lạm dụng quyền kháng cáo, tránh sự “quá tải” của toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm, cần tham khảo kinh nghiệm lập pháp của Pháp để bổ sung một số quy định có tính đồng bộ khác như: bổ sung quy định chủ thể kháng cáo giám đốc thẩm phải xin tư vấn của toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm về khả năng kháng cáo có được chấp nhận hay không; bổ sung quy định kháng cáo giám đốc thẩm có căn cứ là điều kiện để chủ thể kháng cáo được trợ giúp pháp lý; bổ sung quy định về thời hạn hợp lý để thực hiện kháng cáo giám đốc thẩm, kháng cáo giám đốc thẩm quá hạn không được chấp nhận về hình thức; bổ

(21). Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 439.

(22). Phan Thị Thanh Mai, “Những dấu hiệu đặc trưng của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, 09/2006, tr. 36.

sung quy định chủ thể kháng cáo giám đốc thẩm phải nộp bản thuyết trình căn cứ kháng cáo, trường hợp không nộp bản thuyết trình hoặc nộp quá hạn thì kháng cáo không được chấp nhận về hình thức; bổ sung quy định thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa giám đốc thẩm có quyền quyết định không chấp nhận kháng cáo về hình thức; bổ sung quy định chủ thể kháng cáo giám đốc thẩm phải chịu án phí và bồi thường chi phí tố tụng cho chủ thể bị kháng cáo trong trường hợp kháng cáo không được chấp nhận...

Hai là, trong tổ tụng hình sự Việt Nam, chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm không chỉ là viện kiểm sát mà còn là tòa án. Việc tòa án là chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm xuất phát từ quan điểm giám đốc thẩm là một hình thức giám đốc việc xét xử của tòa án cấp trên đối với tòa án cấp dưới. Tuy nhiên, việc tòa án vừa kháng nghị vừa thực hiện chức năng xét xử là không phù hợp với nguyên tắc phân chia chức năng tố tụng giữa viện kiểm sát và tòa án, không phù hợp với địa vị của tòa án - cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp mà theo Alexis de Tocqueville, tác giả bộ sách đồ sộ “Nền dân trị Mỹ”, một trong các “đặc tính” “của quyền lực tư pháp là chỉ có thể hành động khi người ta yêu cầu nó, hoặc nói theo ngôn từ pháp lý, khi nó được giao xét xử”.⁽²³⁾

Trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng huỷ bỏ quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, chánh án tòa án quân sự

trung ương và chánh án tòa án nhân dân cấp cao nhằm bảo đảm sự phân định đúng các chức năng trong tổ tụng. Ngoài ra, cần tiếp tục duy trì nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của tòa án cấp trên đối với tòa án cấp dưới nhưng không phải để tự mình kháng nghị giám đốc thẩm mà để thông báo cho viện trưởng viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị.

4. Thẩm quyền giám đốc thẩm

Trong tổ tụng hình sự Pháp và những quốc gia chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự Pháp, thẩm quyền giám đốc thẩm thuộc về “*pháp đình duy nhất*”, “*pháp đình cao cấp hơn nhất trong tổ chức tư pháp quốc gia*”.⁽²⁴⁾ Trong tố tụng hình sự Việt Nam, có hai cấp giám đốc thẩm: cấp thấp nhất là tòa án nhân dân cấp cao và tòa án quân sự trung ương; cấp cao nhất là Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn gốc của sự khác biệt về thẩm quyền giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp xuất phát từ những quan điểm khác nhau trong khoa học luật tố tụng hình sự của hai quốc gia. Trong tố tụng hình sự Pháp, tính duy nhất và cao nhất của thẩm quyền giám đốc thẩm nhằm bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật và xây dựng án lệ. Vì vậy, án lệ giám đốc thẩm tại Pháp là sự giải thích pháp luật một cách chính thức (tiếng Pháp: *interprétation officielle*) và là một nguồn luật. Trong tố tụng hình sự Việt Nam, giám đốc thẩm là một hình thức giám đốc việc xét xử của tòa án cấp trên đối với tòa án cấp dưới nên có nhiều cấp giám đốc thẩm khác nhau. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành đã huỷ bỏ thẩm quyền giám đốc thẩm của tòa

(23). Alexis de Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, tập 1, Nxb. Tri thức, 2006, tr. 232.

(24). Lê Tài Triển (chủ biên), sdd, tr. 382, 433.

án nhân dân cấp tỉnh và toà án quân sự khu vực. Tuy nhiên, việc tồn tại hai cấp giám đốc thẩm là chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/9/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo đó chỉ Toà án nhân dân tối cao mới có thẩm quyền giám đốc thẩm: “*Tổ chức hệ thống toà án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính... Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*”.

Trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thẩm quyền giám đốc thẩm theo hướng chỉ quy định một cấp giám đốc thẩm duy nhất tại Toà án nhân dân tối cao nhằm bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật và xây dựng án lệ. Để bảo đảm hiệu quả giám đốc thẩm theo mô hình tối cao và duy nhất, cần thành lập các toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao; tổ chức xét xử giám đốc thẩm với các hội đồng giám đốc thẩm hạn chế, hỗn hợp và toàn thể theo kinh nghiệm lập pháp của Pháp. Việc thành lập các toà chuyên trách không phải để tạo thành hai cấp giám đốc thẩm trong Toà án nhân dân tối cao như quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 mà chỉ để thành lập các hội đồng giám đốc thẩm khác nhau, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, vừa không bị “quá tải” vừa bảo đảm chất lượng xét xử giám đốc thẩm. Hội đồng giám đốc thẩm hạn chế gồm 3 thẩm phán toà hình sự Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị không có tính chất phức tạp và không liên quan đến nhiều lĩnh

vực pháp luật. Hội đồng giám đốc thẩm hỗn hợp gồm 5 thẩm phán toà hình sự và toà chuyên trách khác của Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị không có tính chất phức tạp nhưng liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Hội đồng giám đốc thẩm toàn thể gồm các thẩm phán Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được hội đồng giám đốc thẩm hạn chế hoặc hỗn hợp xét xử nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án. Quyết định giám đốc thẩm của Toà án nhân dân tối cao chỉ bị xem xét lại theo quy định tại chương XXVII Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong trường hợp vì lợi ích của pháp luật hoặc vì lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác.

5. Nhiệm vụ của giám đốc thẩm

Trong tố tụng hình sự Pháp, giám đốc thẩm là thủ tục kiểm tra sự vi phạm pháp luật (tiếng Pháp: *censure des erreurs de droit*) trong bản án, quyết định chung thẩm. Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm nếu không viện dẫn được văn bản pháp luật nào bị vi phạm thì kháng cáo, kháng nghị đó bị coi là không có đối tượng (tiếng Pháp: *sans objet*) và không được chấp nhận.⁽²⁵⁾ Như vậy, giám đốc thẩm là thủ tục khác với tái thẩm. Tái thẩm tuy cũng là thủ tục đặc biệt nhưng chỉ kiểm tra sự sai lầm về sự việc (tiếng Pháp: *censure des erreurs de fait*) trong bản án, quyết định của toà án đã có

(25). Gaston Stephani, Georges Levasseur, Bernard Bouloc, *Procédure pénale*, Dalloz, 2004, p. 906.

hiệu lực pháp luật. Theo nguyên tắc hai cấp xét xử, mặt sự việc và mặt pháp luật của vụ án được xem xét lại đồng thời theo thủ tục thông thường là phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm chính là xem xét lại mặt sự việc cũng như mặt pháp luật của vụ án. Các thủ tục đặc biệt như giám đốc thẩm hoặc tái thẩm chỉ xem xét lại mặt pháp luật hoặc mặt sự việc của vụ án một cách riêng biệt. Mặt pháp luật của vụ án được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm trong trường hợp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng: “*Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không xem xét về sự việc, vốn thuộc thẩm quyền xét xử của các thẩm phán xét xử về mặt nội dung ở toà án cấp dưới mà chỉ xem xét việc áp dụng luật vào các sự việc đó có đúng hay không*”.⁽²⁶⁾ Mặt sự việc của vụ án được xem xét lại theo thủ tục tái thẩm trong trường hợp có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung bản án, quyết định mà tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó. Pháp luật tổ tụng hình sự một số nước như Anh, Hoa Kỳ, Canada hạn chế việc tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại mặt sự việc của vụ án⁽²⁷⁾ nhưng không vì thế mà tòa án cấp phúc thẩm của những nước đó không có thẩm quyền xem xét lại mặt sự việc của vụ án. Nếu tòa án chỉ có thẩm quyền xem xét lại mặt pháp luật của vụ án thì tòa án đó thực hiện nhiệm vụ giám

đốc thẩm chứ không phải nhiệm vụ phúc thẩm. Trong tổ tụng hình sự Pháp, nếu kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm yêu cầu xem xét lại cả mặt pháp luật lẫn mặt sự việc của vụ án thì tòa án không chấp nhận.⁽²⁸⁾ Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ kiểm tra việc thi hành luật hình thức và áp dụng luật nội dung đối với những sự việc và tình tiết đã được xem xét và kết luận trong bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm không xem xét, nhận định về các tình tiết của vụ án, không quyết định về tội phạm và hình phạt như tòa án cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Trường hợp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong bản án, quyết định chung thẩm thì tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án khác để xét xử lại vụ án về cả mặt sự việc cũng như mặt pháp luật. Việc giới hạn thẩm quyền của tòa án cấp giám đốc thẩm trong việc chỉ kiểm tra sự vi phạm pháp luật của bản án, quyết định chung thẩm là không trái với pháp luật quốc tế. Bởi vì Công ước châu Âu về quyền con người năm 1950, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 nhấn mạnh đến sự cần thiết phải xét xử lại ở tòa án cấp trên những bản án, quyết định kết tội của tòa án cấp dưới nhưng không đòi hỏi phải xem xét lại đồng thời cả về mặt sự việc cũng như mặt pháp luật của vụ án.⁽²⁹⁾ Việc giám đốc thẩm xem xét lại mặt pháp luật của vụ án nhằm bảo đảm sự tôn trọng pháp luật, áp dụng và

(26). Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam*, t1đđ, tr. 22.

(27). Jean Pradel, sđđ, p. 617, 618; Claude Leblond, Michel Beauchemin, Claude Boies, Guy Cournoyer, Michel Lebel, Yves Paradis, Louise Viau, Josée Payette, *Droit pénal (procédure et preuve)*, Edition Yvon Blais, 2002, p. 84.

(28). S. Guinchard, J. Buisson, *Procédure pénale*, LexisNexis 10e éd., 2014, p. 1426.

(29). Frédéric Debove et François Falletti, *Précis de droit pénal et de procédure pénale*, PUF, 2001, p. 455.

thi hành thống nhất pháp luật.

Sự khác biệt trong tổ tụng hình sự Việt Nam và Pháp về nhiệm vụ của giám đốc thẩm thể hiện như sau:

Một là, trong tổ tụng hình sự Pháp, giám đốc thẩm chỉ xem xét lại mặt pháp luật của vụ án, còn trong tổ tụng hình sự Việt Nam, giám đốc thẩm không chỉ xem xét lại mặt pháp luật mà còn xem xét lại mặt sự việc của vụ án. Việc xem xét lại mặt sự việc của vụ án thể hiện ở một trong những căn cứ cụ thể của kháng nghị giám đốc thẩm như: “*Kết luận trong bản án, quyết định của toà án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án*” (Điều 371 Bộ luật Tổ tụng hình sự Việt Nam năm 2015). Việc xem xét lại mặt sự việc của vụ án còn thể hiện ở thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm trong việc sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự Việt Nam xem xét lại mặt sự việc của vụ án là không phù hợp với tính chất của giám đốc thẩm, khiến cho giám đốc thẩm trở thành một cấp xét xử.

Hai là, trong tổ tụng hình sự Pháp, giám đốc thẩm chỉ kiểm tra sự vi phạm pháp luật trong giai đoạn xét xử chung thẩm, còn trong tổ tụng hình sự Việt Nam, giám đốc thẩm kiểm tra sự vi phạm pháp luật trong tất cả các giai đoạn tố tụng trước đó. Trong tổ tụng hình sự Pháp, chủ thể vi phạm pháp luật bị kiểm tra theo thủ tục giám đốc thẩm là toà án cấp chung thẩm. Trong tổ tụng hình sự Việt Nam, chủ thể vi phạm pháp luật bị kiểm tra theo thủ tục giám đốc thẩm là cơ quan có thẩm quyền điều tra, viện kiểm sát, toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Nguyên nhân của sự khác biệt nói trên là do những quan niệm khác nhau trong

khoa học luật tố tụng hình sự mỗi nước. Tổ tụng hình sự Pháp đòi hỏi giai đoạn sau phải kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn trước và có biện pháp khắc phục nếu phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Hơn thế, những vi phạm pháp luật mà chủ thể kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm không yêu cầu toà án cấp phúc thẩm giải quyết thì không còn là căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm, trừ trường hợp chủ thể kháng cáo, kháng nghị không thể biết được những vi phạm pháp luật đó. Tổ tụng hình sự Việt Nam nhấn mạnh nguyên tắc bảo đảm pháp chế, mọi hoạt động tố tụng phải được thực hiện theo quy định của pháp luật nên giám đốc thẩm là cơ hội cuối cùng để khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở tất cả những giai đoạn tố tụng trước đó. Có quan điểm đánh giá, phạm vi kiểm tra nói trên là “*quá rộng*”, “*không phù hợp với đối tượng của giám đốc thẩm*”, “*không phản ánh đúng bản chất của giám đốc thẩm*” và theo tác giả, “*chỉ có những sai lầm về mặt pháp luật trong hoạt động xét xử của toà án thể hiện ở bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật mới là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm*”.⁽³⁰⁾ Quan điểm này đã tiếp cận với quan điểm về phạm vi kiểm tra sự vi phạm pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự Pháp.

Kinh nghiệm lập pháp của Pháp trong việc hạn chế phạm vi kiểm tra sự vi phạm pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm cần được tham khảo trong việc hoàn thiện pháp

(30). Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 119.

luật tố tụng hình sự Việt Nam về giám đốc thẩm. Cụ thể: cần quy định toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ kiểm tra sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng của toà án cấp phúc thẩm; việc kiểm tra sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng của cơ quan có thẩm quyền điều tra, viện kiểm sát và toà án cấp sơ thẩm chỉ trong trường hợp ngoại lệ, vì lợi ích của pháp luật hoặc vì lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác.

Ba là, trong tố tụng hình sự Pháp, giám đốc thẩm là thủ tục nhằm huỷ bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị (*tiếng Pháp: recours en annulation*), còn trong tố tụng hình sự Việt Nam, thủ tục giám đốc thẩm không chỉ nhằm huỷ mà còn sửa bản án, quyết định bị kháng nghị. Huỷ bản án, quyết định chung thẩm là thẩm quyền đặc trưng của toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm, làm cho thủ tục này tại Pháp có tên gọi là phá án (*cassation*): “*Sau khi vụ tranh tụng được xử chung quyết rồi, các đương sự còn quyền thượng tố lên toà phá án để xin tiêu phá bản án mà họ cho là vi phạm luật pháp*”.⁽³¹⁾ Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không phải là cấp xét xử thứ ba, không xét xử lại nội dung vụ án: “*toà phá án chỉ xét lại phán quyết toà dưới về phương diện pháp lí mà không xét lại nội dung vụ tranh tụng như là một toà đệ tam cấp*”.⁽³²⁾ Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ xét xử đối với bản án, quyết định chung thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, chứ không xét xử đối với

vụ án. Việc sửa bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị là thẩm quyền đặc trưng của toà án cấp phúc thẩm bởi vì toà án cấp phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai, có quyền xét xử lại nội dung vụ án. Tuy nhiên, trong tố tụng hình sự Việt Nam, hội đồng giám đốc thẩm có quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi thỏa mãn hai điều kiện: *thứ nhất*, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã rõ ràng, đầy đủ và *thứ hai*, việc sửa bản án, quyết định không làm thay đổi bản chất của vụ án, không làm xấu đi tình trạng của người bị kết án, không gây bất lợi cho bị hại, đương sự (Điều 393 BLTTHS Việt Nam năm 2015). Thực tiễn cho thấy, hội đồng giám đốc thẩm có thể sửa bản án đã có hiệu lực pháp luật về phần quyết định tổng hợp hình phạt theo hướng có lợi cho người bị kết án;⁽³³⁾ giảm hình phạt;⁽³⁴⁾ chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn;⁽³⁵⁾ miễn trách nhiệm hình sự cho người bị kết án.⁽³⁶⁾ Có quan điểm cho rằng việc hội đồng giám đốc thẩm có quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật “là cần thiết nhằm bảo

(31). Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triển, Trần Thúc Linh, “*Nhiệm vụ của chánh thẩm tòa hình*”, Nhóm nghiên cứu và dự hoạch, Sài Gòn, 1967, tr. 12.

(32). Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triển, Trần Thúc Linh, “*Nhiệm vụ của chánh thẩm tòa hình*”, Nhóm nghiên cứu và dự hoạch, Sài Gòn, 1967, tr. 12.

(33). Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/HS-GĐT ngày 20/3/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Quyết định giám đốc thẩm số 32/2018/HS-GĐT ngày 23/5/2018 của Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định giám đốc thẩm số 155/2018/HS-GĐT ngày 21/9/2018 của Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

(34). Quyết định giám đốc thẩm số 12/2018/HS-GĐT ngày 14/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(35). Quyết định giám đốc thẩm số 11/2019/HS-GĐT ngày 15/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(36). Quyết định giám đốc thẩm số 19/2018/HS-GĐT ngày 15/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

đảm cho việc khắc phục nhanh chóng, hiệu quả, đỡ kéo dài thời gian và chi phí không cần thiết các hậu quả do bản án, quyết định vi phạm nghiêm trọng pháp luật bị kháng nghị gây ra mà không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kết án và người tham gia tố tụng có liên quan”.⁽³⁷⁾ Tuy nhiên, việc sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khiến cho giám đốc thẩm trở thành một cấp xét xử - cấp xét xử thứ hai nếu đối tượng bị kháng nghị là bản án, quyết định sơ thẩm, cấp xét xử thứ ba nếu đối tượng bị kháng nghị là bản án, quyết định phúc thẩm.

Trên cơ sở so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng huỷ bỏ thẩm quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của hội đồng giám đốc thẩm. Đồng thời, cần quy định hội đồng giám đốc thẩm chỉ huỷ bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để điều tra lại hoặc xét xử lại trong trường hợp đối tượng của kháng cáo, kháng nghị là bản án, quyết định phúc thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Trường hợp đối tượng của kháng cáo, kháng nghị là bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật thì hội đồng giám đốc thẩm chỉ được huỷ bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để điều tra lại hoặc xét xử lại vì lợi ích của pháp luật hoặc vì lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác.

6. Kết luận

Nghiên cứu so sánh tính chất của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp có thể rút ra những kết luận sau:

(37). Nguyễn Hoà Bình, *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 348.

Trong tố tụng hình sự Pháp cũng như Việt Nam, giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt (tiếng Pháp: *extraordinaire*), khác với sơ thẩm và phúc thẩm là những thủ tục xét xử thông thường (tiếng Pháp: *ordinaire*), khác với thủ tục đặc biệt khác là tái thẩm. Vấn đề tính chất của giám đốc thẩm không được quy định trong BLTTHS Pháp bằng một điều luật cụ thể mà chỉ được đặt ra trong khoa học luật tố tụng hình sự. Ngược lại, các BLTTHS của Việt Nam trong cả ba lần pháp điển hóa đều quy định tính chất của giám đốc thẩm. Sự thay đổi lớn nhất trong quá trình pháp điển hóa luật tố tụng hình sự Việt Nam về tính chất của giám đốc thẩm thể hiện tại lần pháp điển hóa thứ hai. Cụ thể, Điều 272 BLTTHS năm 2003 đã bổ sung căn cứ chung của kháng nghị giám đốc thẩm phải là vi phạm pháp luật ở mức độ “*ng nghiêm trọng*”. Quy định nói trên đã được kế thừa tại Điều 370 BLTTHS năm 2015 về tính chất của giám đốc thẩm như sau: “*Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*”. Việc bổ sung và duy trì quy định về căn cứ chung của kháng nghị giám đốc thẩm phải là vi phạm pháp luật ở mức độ “*ng nghiêm trọng*” thể hiện sự tương đồng với pháp luật tố tụng hình sự Pháp. Tuy nhiên, quy định về tính chất của giám đốc thẩm vẫn còn những điểm không hợp lí như: chưa thể hiện đầy đủ tính chất đặc biệt của thủ tục giám đốc thẩm, chưa thể hiện được tính tối cao và duy nhất của thẩm quyền giám đốc thẩm, chưa thừa nhận quyền kháng cáo giám đốc thẩm của người tham gia tố tụng có lợi ích để thực hiện, chưa xác định chính xác đối tượng của kháng cáo,

kháng nghị giám đốc thẩm, chưa xác định được mục đích của việc quy định và thực hiện thủ tục giám đốc thẩm. Trên cơ sở nghiên cứu so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Pháp, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 370 BLTTHS năm 2015 về tính chất của giám đốc thẩm theo hướng khắc phục những điểm chưa hợp lý nói trên. Cụ thể:

“Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự là thủ tục đặc biệt do Tòa án nhân dân tối cao xét lại bản án, quyết định phúc thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị trong trường hợp vì lợi ích của pháp luật hoặc vì lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xét xử nhằm bảo đảm sự đúng đắn và thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật và xây dựng án lệ”/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexis de Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, tập 1, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2006.
2. Nguyễn Hoà Bình, *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Cathie-Sophie Pinat, *Le discours de l'avocat devant la Cour de cassation: Etude de théorie du droit*, Thèse de doctorat, Université de Montpellier, 2016.
4. Claude Leblond, Michel Beauchemin, Claude Boies, Guy Cournoyer, Michel Lebel, Yves Paradis, Louise Viau, Josée Payette, *Droit pénal (procédure et preuve)*, Edition Yvon Blais, 2002.
5. Frédéric Debove et François Falletti, *Précis de droit pénal et de procédure pénale*, PUF, 2001.
6. Gaston Stephani, Georges Levasseur, Bernard Bouloc, *Procédure pénale*, Dalloz, 2004.
7. Mai Thanh Hiếu, *Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
8. Mai Thanh Hiếu, “Pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864 - 1945”, *Tạp chí Luật học*, số 5/2020.
9. Jacques Boré et Louis Boré, *La cassation en matière pénale*, 2ème éd., Dalloz, Paris, 2004.
10. Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, 2e éd., Dalloz, Paris, 2002.
11. Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triễn, Trần Thúc Linh, “*Nhiệm vụ của chánh thẩm toà hình*”, Nhóm nghiên cứu và dự hoạch, Sài Gòn, 1967.
12. Phan Thị Thanh Mai, “Khái quát về chế định giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2005.
13. Phan Thị Thanh Mai, “Những dấu hiệu đặc trưng của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, 09/2006.
14. Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2007.
15. S. Guinchard, J. Buisson, *Procédure pénale*, LexisNexis 10e éd., 2014.
16. Lê Tài Triễn (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viện*, Sài Gòn, 1970.
17. Trung tâm Từ điển học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội, 2013.